

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HSST

Ngày 10-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hường và bà Đặng Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Hưng – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2019/HSST ngày 27 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXXST - HS, ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. BÙI HUY G, sinh năm 1974 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, phường Q, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Đội trưởng đội quản lý bảo vệ rừng số 2 thuộc Công ty TNHH MTV Đ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Xuân H, sinh năm 1945 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1947; có vợ là Phạm Thị C, sinh năm 1981 và có 02 con; bị bắt tạm giam ngày 20/9/2019 - có mặt.

2. PHẠM ĐỨC T, sinh năm 1990 tại Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức T, sinh năm 1969 và bà Dương Thị C, sinh năm 1968; có vợ là Hoàng Thị O, sinh năm 1992 và có 02 con; bị bắt tạm giam ngày 20/9/2019 - có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Người làm chứng: Anh Phạm Đức T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đức T quen biết với Bùi Huy G là Đội trưởng Đội quản lý bảo vệ rừng số 02 thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ.

Năm 2017, T nhận chuyển nhượng (*bằng giấy viết tay*) từ ông Đinh Văn P khoảng 02 héc ta đất tại khoảnh 3 Tiểu khu 1668 do Công ty TNHH MTV Đ quản lý, trên đất đã trồng các loại cây: cà phê, sầu riêng, bơ, muồng đen, chuối và sắn (*mỳ*). Từ đầu tháng 3/2019 đến đầu tháng 7/2019, T đã thuê người tên T (*không xác định được nhân thân, lai lịch*) cùng với T dùng dao phát chặt phá, diện tích 5.151 m² tại lô 15 khoảnh 2 Tiểu khu 1668, gần kề với mảnh đất T đang sử dụng để mở rộng đất canh tác.

Do muốn dọn sạch diện tích rừng đã chặt phá nên ngày 31/7/2019, T gọi điện cho G đề nghị cho phép T dọn cây, lấn chiếm đất rừng của Công ty TNHH MTV Đ. T hứa sẽ đưa cho G số tiền 15.000.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng chung cho Đội quản lý bảo vệ rừng số 02, còn 5.000.000 đồng đưa riêng cho G và G đồng ý.

Sáng ngày 09/8/2019, T gọi điện hẹn gặp G để đưa tiền. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 61S5-2741 (*mượn của cha là ông Phạm Đức T*) chở Phạm Đức T (*em của T*) đến Trạm quản lý bảo vệ rừng số 02 ở thôn Q, xã Q. Khi đến nơi, T đứng ở ngoài đường còn T vào trong Trạm đưa trước cho G số tiền 5.000.000 đồng.

Sau khi đưa tiền cho G, T thuê một người (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) phát dọn và trồng cây cà phê trên diện tích đất đã lấn chiếm. Việc làm của Phạm Đức T và Bùi Huy G đã bị quần chúng nhân dân phát hiện, tố giác đến cơ quan công an.

Vật chứng: Thu giữ của Bùi Huy G: Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam 5.000.000 đồng (*G giao nộp*), 02 chiếc điện thoại di động (nhãn hiệu NOKIA và SAMSUNG A7), 01 cuốn sổ ghi chép cá nhân. Thu giữ của Phạm

Đức T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu xanh, biển kiểm soát 61S5-2741.

Tại Cáo Trạng số 03/CT-VKS, ngày 26/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong truy tố bị cáo Bùi Huy G về tội “Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội “Đưa hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, tính chất mức độ, hành vi phạm tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo G từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 364; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù; đề nghị trả lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu xanh, biển kiểm soát 61S5-2741 cho ông Phạm Đức T là chủ sở hữu vì không liên quan đến vụ án; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng do phạm tội mà có; tịch thu 02 điện thoại di động (nhãn hiệu NOKIA và SAMSUNG A7) của G và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của T là phương tiện phạm tội; lưu hồ sơ 01 cuốn sổ ghi chép cá nhân thu của G;

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải và xin hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Đăk Glong; Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý qua đó xác định: Vào khoảng thời gian từ đầu tháng 3/2019 đến đầu tháng 7/2019, Phạm Đức T đã chặt phá diện tích rừng 5.151 m² tại lô 15 khoảnh 2 Tiểu khu 1668 do Công ty TNHH MTV Đ quản lý. Sau đó, T đề nghị Bùi Huy G là Đội trưởng đội quản lý bảo vệ rừng số 02 của Công ty TNHH MTV Đ cho phép T phát dọn, lấn chiếm đất rừng của Công ty TNHH MTV Đ. Đổi lại, T hứa sẽ đưa cho G số tiền 15.000.000 đồng thì được G đồng ý.

Ngày 09/8/2019 tại Thôn Q, xã Q, huyện Đ, T đã đưa trước cho G số tiền 5.000.000 đồng. Sau đó T đã đốt dọn, trồng cây cà phê trên diện tích đất đã lấn chiếm. Số tiền được xác định đưa và nhận hối lộ giữa T với G là 15.000.000 đồng. Vì vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Bùi Huy G phạm tội “Nhận hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 354 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Đưa hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 364 của Bộ luật Hình sự

Điều 354 Bộ luật hình sự quy định như sau

“Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn trực tiếp hoặc qua trung gian nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;”

...

Điều 364 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;”

...

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, uy tín của cơ quan Nhà nước. Vì vậy, cần có mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Bị cáo G trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bố là ông Bùi Xuân H được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, nhiều năm công tác luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện để xem xét áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật hình sự.

[5] Bị cáo T là người có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có ông nội là liệt sỹ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản gì lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Trong vụ án này bị cáo G khai sau khi nhận lời đề nghị cho phép phát dọn cây, lấn chiếm đất rừng của T, G đã trao đổi lại với những người trong Đội quản lý bảo vệ rừng số 02 biết gồm các anh: Nguyễn Văn T (sinh năm 1964), Nguyễn Tất K (sinh năm 1992), Đặng Văn H (sinh năm 1973), Nguyễn Minh D (sinh năm 1990), Nguyễn Ngọc H (sinh năm 1985), Điều K (sinh năm 1960) và tất cả những người này đều đồng ý. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắc Glong đã điều tra nhưng không chứng minh được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Phạm Đức T (em của T) đi cùng T đến Trạm quản lý bảo vệ rừng số 02 ở thôn Q, xã Q. Khi đến nơi, T đứng ở ngoài đường còn T vào

trong Trạm đưa số tiền 5.000.000 đồng cho G. Anh T không biết việc làm của T nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi hủy hoại rừng của Phạm Đức T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đang tiếp tục điều tra để xử lý sau.

[8] Về vật chứng: Căn cứ khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu xanh, biển kiểm soát 61S5-2741 cho ông Phạm Đức T là chủ sở hữu vì không liên quan đến vụ án.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo G giao nộp.

Tịch thu 02 điện thoại di động (nhãn hiệu NOKIA và SAMSUNG A7) của G và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của T (*có đặc điểm như biên bản thu giữ*) là phương tiện phạm tội; lưu hồ sơ 01 cuốn sổ ghi chép cá nhân thu của G.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Huy G phạm tội “Nhận hối lộ”. Bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Đưa hối lộ”

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 354; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Huy G** 01 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2019.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 364; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Đức T** 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2019.

2. Về vật chứng: Căn cứ khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, màu xanh, biển kiểm soát 61S5-2741 cho ông Phạm Đức T là chủ sở hữu vì không liên quan đến vụ án.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo G giao nộp.

Tịch thu 02 điện thoại di động (nhãn hiệu NOKIA và SAMSUNG A7) của G và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO của T (*có đặc điểm như biên bản thu giữ*) là phương tiện phạm tội.

Lưu hồ sơ 01 cuốn sổ ghi chép cá nhân thu của G.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Bùi Huy G, Phạm Đức T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Hồng Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

